

Số: /GPMT-STNMT

Long An, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Long An quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 70/2024/CV-TPBC2 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH May thuê Thuận Phương về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Thuận Phương Bình Chánh 2 (công suất 24 triệu sản phẩm/năm)” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH may thuê Thuận Phương, địa chỉ tại 275 đường Nguyễn Văn Luông, phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Thuận Phương Bình Chánh 2 (công suất 24 triệu sản phẩm/năm)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Thuận Phương Bình Chánh 2 (công suất 24 triệu sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp 0301339188 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/11/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 06/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 0301339188.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 20.362,50 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: 24.000.000 sản phẩm/năm, trong đó:

+ Quần áo trẻ em: 14.000.000 sản phẩm/năm.

+ Quần áo người lớn: 7.500.000 sản phẩm/năm.

+ Áo khoác: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Quần dài: 1.500.000 sản phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất:

+ Giai đoạn chuẩn bị: Mẫu yêu cầu của khách hàng → Phân tích thiết kế rập mẫu → Rập mẫu cuối → Cắt → May → Sản phẩm mẫu.

+ Giai đoạn sản xuất: Nguyên liệu (vải cùng các phụ liệu như dây thun, nút, chỉ, tem, nhãn,..) → Cắt → Đánh số → May → Ủi → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói và đóng thùng → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May thêu Thuận Phương.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May thêu Thuận Phương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 21 tháng 6 năm 2024 đến ngày 20 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Mỹ Lộc;
- Công ty TNHH May thêu Thuận Phương;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Trung tâm PVHC tỉnh;
- Pháp chế Sở; Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLMT, Lâm.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- STNMT ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 1.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 2.
- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 3.
- Nguồn số 04: Nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 4.
- Nguồn số 05: Nước thải từ nhà vệ sinh tại ký túc xá chuyên gia.
- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình xả cặn nổi hơi tại xưởng 1.
- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình xả cặn nổi hơi tại xưởng 4.
- Nguồn số 08: Nước thải từ lavabo tại nhà ăn.
- Nguồn số 09: Nước thải từ quá trình sơ chế, chế biến thức ăn tại nhà ăn.
- Nguồn số 10: Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ sơ chế tại khu vực rửa.
- Nguồn số 11: Nước thải từ nhà bảo vệ.
- Nguồn số 12: Nước thải từ nhà văn phòng.
- Nguồn số 13: Nước thải từ khu xuất hàng.
- Nguồn số 14: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rạch Bà Nhang tại ấp Lộc Tiên, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Rạch Bà Nhang tại ấp Lộc Tiên, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): $X(m) = 1172534$; $Y(m) = 595135$.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát việc xả nước thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $140 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của dự án

với công suất 140 m³/ngày đêm sẽ theo đường ống uPVC D80, chiều dài 10m được bơm vào hố ga. Từ hố ga, nước thải sẽ theo đường ống uPVC D114, chiều dài 2m tự chảy ra nguồn tiếp nhận là Rạch Bà Nhang tại 01 điểm xả.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q=0,9; K_f=1,1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	74,25		
4	BOD ₅	mg/l	29,7		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
7	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,96		
9	Coliform	MNP/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

– Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

– Nước mưa từ mái sẽ được thu gom vào các máng xối tôn dọc theo mái, sau đó tập trung vào các ống uPVC D100 theo trục đứng, cùng với nước mưa trên bề mặt đường, sân bãi được thu gom vào các mương thu gom nước mưa BTCT có chiều rộng 500mm, i=0,5% với tổng chiều dài khoảng 950m. Nước mưa được thu gom theo phương thức tự chảy thông qua các hố ga nối với mương thu gom, tại miệng hố ga có bố trí song chắn rác nhằm giữ lại các chất thải bị cuốn theo nước mưa như lá cây, nilon,...

– Toàn bộ nước mưa của dự án sau khi được thu gom sẽ tập trung vào 04 hố ga chính và sẽ được thoát ra Rạch Bà Nhang thông qua 04 cửa xả tương ứng:

+ Vị trí cửa xả 1: X(m)=1172649; Y(m)=595058

+ Vị trí cửa xả 2: X(m)=1172616; Y(m)=594928

+ Vị trí cửa xả 3: X(m)=1172707; Y(m)=595049

+ Vị trí cửa xả 4: X(m)=1172531; Y(m)=595141

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

– Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Nước thải phát sinh từ hoạt động tại dự án từ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ (nguồn số 11) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 01, cùng với nước thải từ nhà vệ sinh tại nhà văn phòng (nguồn số 12) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 03, nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 1 (nguồn số 01) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 05 và nước thải từ quá trình xả cặn nổi hơi xưởng 1 (nguồn số 06). Các nguồn nước thải này theo đường ống uPVC D114, chiều dài tổng khoảng 240m dẫn vào bể thu gom trung gian nước thải.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu xuất hàng (nguồn số 13) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 02, cùng với nước thải từ nhà vệ sinh tại kí túc xá chuyên gia (nguồn số 05) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 04, sau đó theo đường ống uPVC D114, chiều dài khoảng 246m dẫn vào bể thu gom trung gian nước thải.

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh tập trung (nguồn số 14) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 06, sau đó đó theo đường ống uPVC D114, chiều dài 0,5m dẫn vào bể thu gom trung gian nước thải.

+ Nước thải từ quá trình sơ chế thức ăn (nguồn số 09) được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 1 cùng với nước thải từ lavabo nhà ăn (nguồn số 08) theo đường ống uPVC D90, chiều dài 54m và đường ống uPVC D114, chiều dài 36m dẫn vào bể thu gom trung gian nước thải.

+ Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ sơ chế (nguồn số 10) được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 2, sau đó theo đường ống uPVC D90, chiều dài 2m dẫn vào bể thu gom trung gian nước thải.

→ Nước thải từ bể thu gom trung gian (tập trung các nguồn nước thải số 01, 05, 06, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14) sẽ theo đường ống uPVC D114, chiều dài 158m bơm về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 140 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 2 (nguồn số 02) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 07, cùng với nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 3 (nguồn số 03) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 08, sau đó theo đường ống uPVC D114, chiều dài 173m dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 140

m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại xưởng 4 (nguồn số 04) được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại số 09, cùng với nước thải từ quá trình xả cặn nổi hơi tại xưởng 4 (nguồn số 07), sau đó theo đường ống uPVC D114, chiều dài 54m dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 140 m³/ngày.đêm.

– Công trình thoát nước thải sau xử lý: Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 140 m³/ngày.đêm sẽ theo đường ống uPVC D80, chiều dài 10m được bơm vào hố ga cuối. Từ hố ga cuối, nước thải sẽ theo đường ống uPVC D114, chiều dài 2m tự chảy ra Rạch Bà Nhang tại 01 điểm xả.

– Điểm xả nước thải sau xử lý: 01 vị trí tại Rạch Bà Nhang. Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ độ 3°): X(m)= 1172534; Y(m)=595135.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ các khu vực (sau khi qua bể tự hoại) + Nước thải nhà ăn (sau khi qua bể tách dầu) → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể sinh học màng MBR (kết hợp khử trùng trên đường ống) → Hố ga → Nguồn tiếp nhận (Rạch Bà Nhang).

Công suất thiết kế: 140 m³/ngày.đêm.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, dinh dưỡng mật rỉ đường, xút/acid (nếu cần) và chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lấy mẫu phân tích để theo dõi hiệu quả xử lý và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bể tách mỡ và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại, hút váng dầu bể tách mỡ định kỳ; Thường xuyên kiểm tra, bổ sung duy trì bùn hoạt tính vào bể hiếu khí nhằm duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật; bổ sung hóa chất khử trùng vào đường ống thoát nước thải; Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Các bể xử lý nước thải được thiết kế với thể tích lớn, trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận nước thải vào Rạch Bà Nhang; đồng thời, ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của Rạch Bà Nhang. Trong thời gian khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải, nhà máy chỉ hoạt động sản xuất các khâu không phát sinh nước thải, các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải lớn cần ngừng hoạt động đến khi hoàn thành công tác khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo lưu lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải không vượt quá thời gian lưu nước của hệ thống. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân các sự cố. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 140 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- 01 vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hố thu gom).
- 01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.7. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- STNMT
ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X(m)= 1172535; Y(m)=595132 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Khí thải (mùi) sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp=1 và Kv=1) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tuần suất quan trắc định kỳ	Tuần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	50	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	7,5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về

hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về hệ thống xử lý mùi theo đường ống PVC D140mm dẫn vào tháp hấp phụ than hoạt tính, sau đó theo đường ống PVC D140mm cao 18m thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) từ trạm xử lý nước thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thải 18m → Môi trường.

Công suất thiết kế: 2.000 m³/giờ.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy định.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như đường ống, than hoạt tính, ...

- Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

- Định kỳ kiểm tra chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý mùi và giám sát các hệ thống xử lý mùi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- Ngưng hoạt động nếu hệ thống không đảm bảo khả năng xử lý mùi, khí thải không bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, chủ dự án thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý mùi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải công suất 2.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại đầu ra (ống thải) của hệ thống xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH May thuê Thuận Phương phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải, mùi theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, mùi.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.8. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- STNMT
ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải công suất 140 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ dây chuyền may.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ dây chuyền cắt.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ máy bơm phòng cháy chữa cháy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m)= 1172535; Y(m)=595132.
- Nguồn số 02:
 - + Tọa độ X(m)= 1172779; Y(m)=594910 (Xưởng 1).
 - + Tọa độ X(m)= 1172629; Y(m)=595093 (Xưởng 3).
 - + Tọa độ X(m)= 1172576; Y(m)=595138 (Xưởng 4).
- Nguồn số 03: Tọa độ X(m)= 1172630; Y(m)=595086 (Xưởng 3).
- Nguồn số 04: Tọa độ X(m)= 1172635; Y(m)=594970.

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105⁰45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Nâng cấp, thay thế máy móc thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.4. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

2.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT
ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	54
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	62
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	14
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	42
6	Than hoạt tính thải	12 01 04	17
Tổng			190

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn	295.000
2	Chỉ vụn	53.000
3	Sản phẩm lỗi	23.000
4	Bao bì, thùng carton	19.000
Tổng cộng		390.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	1.240
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.240

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho: 18,5 m² .

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường xây gạch, mái che kín nắng mưa, nền bê tông chống thấm có gờ cao tại cửa. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bao tải 50kg.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường xây gạch, mái che kín nắng mưa, mặt sàn BTCT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng nhựa có nắp đậy;

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Diện tích khu vực: 50,7 m², cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường xây gạch, mái che kín nắng mưa, mặt sàn BTCT.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải có khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- STNMT
ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả; Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong **thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.

6. **Chậm nhất 10 ngày** sau khi được cấp phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Mỹ Lộc.

7. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 20/01 của năm tiếp theo.

8. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Chủ dự án phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.